

Bản án số: **70/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 02 - 8 - 2019.

V/v: “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Lệ Nga**

Ông Cao Trọng Mãnh

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Danh Tường Vi** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Phan Thị D**; sinh năm 1980 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 160 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Thanh P**; sinh năm 1980 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 160 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có tổ chức lễ cưới; đến năm 2005 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/7/2005.

Quá trình chung sống giữa chị và anh P phát sinh nhiều bất đồng từ năm 2009, nguyên nhân do anh P cư xử quá giới hạn với những người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn liên tục trong nhiều năm sau đó; đồng thời, anh P không quan tâm, lo lắng cho vợ con, thường hay nhậu nhẹt bê tha và có lời lẽ chửi mắng, xúc phạm đối với chị D và gây áp lực tinh thần cho gia đình; chị đã nhiều lần cho anh P cơ hội nhưng anh P không sửa đổi được, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị D xác định quá trình chung sống chị và anh P có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Thị Thảo D1- sinh ngày 26/6/2002, Nguyễn Thị Thảo Y- sinh ngày 13/12/2006 và Nguyễn Đông N- sinh ngày 22/9/2016. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, 03 (ba) cháu là 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định quá trình chung sống chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:**

Anh P thống nhất với lời trình bày của chị D về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh P xác định trong cuộc sống thường ngày vợ chồng vẫn có những bất đồng ý kiến nhỏ, bản thân anh còn thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con và trong lúc nóng giận có lời lẽ mắng chửi, xúc phạm vợ con; tuy nhiên những mâu thuẫn này không trầm trọng đến mức phải ly hôn, riêng những mối quan hệ bên ngoài làm chị D nghi ngờ anh không chung thủy hiện tại đều đã chấm dứt. Anh P xác định sau nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, hiện tại chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn; tuy nhiên anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn chị D cho anh cơ hội sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cho các con, xây dựng gia đình hạnh phúc, do đó anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn thì ý kiến của anh P như sau:

Về quan hệ con chung: Anh P đề nghị xem xét nguyện vọng của các con, nếu con muốn ở với cha hoặc mẹ thì thống nhất giao con cho người đó nuôi; trường hợp con ở với chị D thì theo khả năng kinh tế của mình, anh P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P cũng như yêu cầu về việc nuôi con chung; về việc cấp dưỡng nuôi con chị D thống nhất với số tiền anh P sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng theo trình bày của anh P; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Anh Nguyễn Thanh P giữ nguyên ý kiến trình bày, không đồng ý ly hôn với chị D; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Tại Biên bản lập ngày 16/7/2019, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thảo D1 và cháu Nguyễn Thị Thảo Y (con chung giữa anh P và chị D) như sau:** Cháu Thảo D1 và cháu Thảo Y có nguyện vọng được sống cùng với chị D nếu cha mẹ cháu ly hôn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án còn thiếu sót là không có quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị D; đồng thời đề nghị giao ba người con chung cho chị D nuôi dưỡng và công nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung, chị D và anh P xác định không có, nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị D khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh P; địa chỉ cư trú tại: Số 160 đường N, khu phố 1, B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn Thanh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND

phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2005; nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị D và ý kiến không đồng ý ly hôn của anh Nguyễn Thanh P, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống, vợ chồng chị Phan Thị D và anh Nguyễn Thanh P phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn từ năm 2009 kéo dài cho đến nay, cụ thể: Chị D xác định nguyên nhân mâu thuẫn do trong quan hệ tình cảm anh P cư xử không đúng mực với những người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã liên tục, kéo dài; mặt khác, trong cuộc sống gia đình anh P thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con, trong quan hệ cư xử giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, thường xuyên có lời lẽ chửi bới, xúc phạm đối với chị D; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Phía anh P cũng thừa nhận bản thân còn thiếu sót, không quan tâm, chăm sóc vợ con đúng mực và trong những lúc nóng giận có lời lẽ nặng nề, mắng chửi, xúc phạm vợ con; nhưng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng đến mức ly hôn, hơn nữa mối quan hệ với những người phụ nữ khác bên ngoài làm cho chị D nghi ngờ anh không chung thủy hiện tại đều đã chấm dứt; anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn chị D cho anh cơ hội sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với chị D.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P đã đến mức trầm trọng vì mâu thuẫn không bộc phát tức thì mà đã kéo dài trong suốt nhiều năm đến nay vẫn không thể hàn gắn, anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có khả năng đoàn tụ. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh P.

[5] Xét yêu cầu của chị D và ý kiến của anh P về việc nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thảo D1- sinh ngày 26/6/2002, Nguyễn Thị Thảo Y- sinh ngày 13/12/2006 và Nguyễn Đông N- sinh ngày 22/9/2016, Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với cháu Thảo D1 và cháu Thảo Y đều có ý kiến xác định cả cha và mẹ đều chăm sóc tốt và yêu thương các cháu, tuy nhiên hai cháu có nguyện vọng được sống cùng chị D nếu cha mẹ ly hôn nhau. Ý kiến của anh P cũng thống nhất nguyện vọng của các con muốn ở với cha hoặc mẹ thì sẽ giao con cho người đó nuôi dưỡng. Đối với cháu Đông N, sinh ngày 22/9/2016; hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi; theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị D là phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu Thảo D1 và cháu Thảo Y; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Thảo D1, Thảo Y và Đông N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phía anh P chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị D thống nhất ý kiến của anh P, đồng ý việc anh P cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Xét ý kiến của chị D và anh P về việc cấp dưỡng nuôi con chung tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh P thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn Thanh P.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 (ba) người con chung giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn Thanh P là cháu Nguyễn Thị Thảo D1- sinh ngày 26/6/2002, Nguyễn Thị Thảo Y- sinh ngày 13/12/2006 và Nguyễn Đông N- sinh ngày 22/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị D và anh P về việc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 (ba) người con chung với mức cấp dưỡng

cho mỗi người con là 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0006007 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yên

